

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên
tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.*

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng C, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp B2, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Chí T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp B2, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C trình bày: chị và anh Phạm Chí T chung sống vào năm 1998, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đến năm 2007 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc anh chị không còn chung sống khoảng 04 năm nay.

Chị và anh T không thể tìm được biện pháp hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Chí T.

Anh Phạm Chí T được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Đại diện địa phương xác định anh Phạm Chí T thường xuyên đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không xác định được tình trạng hôn nhân của chị C và anh T như thế nào. Tòa án cũng không tiến hành ghi lời khai của anh T được.

Về con chung: Chị C và anh T có 03 người con chung tên Phạm Chí P, sinh năm 1999; Phạm Chí P2, sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Hồng M, sinh ngày 10/10/2003. Các cháu P, P2 và M đang sống cùng chị Nguyễn Hồng C và chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Riêng cháu P và cháu P2 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị C xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Hồng C. Tiếp tục giao cháu Phạm Hồng M cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Hồng C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm Chí T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng C và anh Phạm Chí T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị C và anh T là tự nguyện và hợp pháp. Chị C xác định hiện nay Chị và anh T không còn chung sống với

nhau, không còn yêu thương nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị C và anh T đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay, không còn liên lạc hay quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng C.

[3] Về con chung: Các cháu Phạm Chí P, Phạm Chí P2 và Phạm Hồng M hiện đang sống cùng chị Nguyễn Hồng C. Cháu P và cháu P2 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu Phạm Hồng M có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ là chị C. Xét thấy, nguyện vọng của cháu M là tự nguyện, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường về tâm sinh lý cũng như về mặt thể chất, tình cảm của cháu nên tiếp tục giao cháu M cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Hồng C xác định không có nên không yêu cầu và Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng C xin ly hôn với anh Phạm Chí T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Hồng M, sinh ngày 10/10/2003 cho chị Nguyễn Hồng C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm Chí T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị C đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011942 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm